

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/KDTM-ST  
Ngày: 25-3-2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Phan Thị Oanh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Cao Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2023/TLST-KDTM ngày 17/8/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H; Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Lê Khánh L, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh P làm đại diện theo Quyết định ủy quyền số 1489/2023/QĐ-TGD ngày 23/5/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP P

Ông L ủy quyền lại cho bà Ngô Thị Thanh T1, chức vụ: Chuyên viên tín dụng – Chi nhánh P – H; Địa chỉ: 355-357 N, phường E, Tp T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: + Ông Lương Công T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Bà Vũ Việt T3, sinh năm 1993; HKTT: A P, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần B, sinh năm 1989; HKTT: phường H, thị xã Đ, Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: khu phố F, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2023, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H, bà Ngô Thị Thanh T1 trình bày: Ngày 17/5/2022, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (gọi tắt: Ngân hàng) với ông Lương Công T2 và bà Vũ Việt T3 có ký kết các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15006/22MB/HĐTD, hạn mức tín dụng: 1.100.000.000 đồng, mục đích sử dụng: bổ sung vốn kinh doanh buôn bán đồ chơi trẻ em và đồ gia dụng; thời hạn hợp đồng tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 17/05/2022 đến ngày 17/5/2023. Trong quá trình vay vốn, Ngân hàng đã nhiều lần giải ngân cho bị đơn và bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tuy nhiên, ngày 15/02/2023 ông T2 và bà T3 cần vốn kinh doanh nên tiếp tục vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Vì còn trong thời hạn Hợp đồng tín dụng hạn mức nên Ngân hàng đã giải ngân và cho ông T2, bà T3 vay số tiền 1.100.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 15006/22MB/HĐTD/KUNN05 ngày 15/02/2023, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/02/2023 đến ngày 15/07/2024, lãi suất vay trong hạn: 13.50%/năm, mục đích sử dụng: bổ sung vốn kinh doanh buôn bán đồ chơi trẻ em và đồ gia dụng; phương thức trả nợ: trả 01 tháng/01 lần vào ngày 10 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 10/03/2023.

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn ông T2 và bà T3 có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 2, tờ bản đồ số E4-III-C-c, thôn K, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 826185, số vào sổ cấp GCN:CH 00954 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp cho ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Q vào ngày 17/10/2012, cập nhật thay đổi ngày 22/12/2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28477/22MB/HĐBĐ ngày 26/12/2022.

Sau khi vay, ông T2 và bà T3 đã trả cho Ngân hàng được 01 tháng tiền lãi, từ tháng 04/2024 cho đến nay ông T2 và bà T3 đã không trả nợ lãi cho Ngân hàng như đã cam kết. Nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở, yêu cầu ông T2 và bà T3 trả nợ nhưng vẫn không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T2 và bà T3 phải trả số tiền nợ tính đến ngày 25/3/2024 là 1.268.948.536 đồng trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 139.089.527 đồng, nợ lãi quá hạn 29.859.009 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông T2 và bà T3 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 10/01/2023 của ông Lương Công T2 thì Ngân hàng đã cấp thẻ vật lý cho ông T2 với hạn mức tín dụng thẻ là 100.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức thẻ: 60 tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 25/3/2024, ông T2 còn nợ số tiền 161.219.696 đồng trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi 61.219.696 đồng. Nay Ngân hàng yêu

cầu ông **T2** phải trả số tiền nợ nêu trên và lãi suất phát sinh theo thẻ tín dụng đã ký kết.

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 12/01/2023 của bà **Vũ Việt T3** thì Ngân hàng đã cấp thẻ vật lý cho bà **T3** với hạn mức tín dụng thẻ là 40.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức thẻ: 60 tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông **Thị vi p** nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 25/03/2024, bà **T3** còn nợ số tiền 66.907.527 đồng trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi 26.907.527 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà **T3** phải trả số tiền nợ nêu trên và lãi suất phát sinh theo thẻ tín dụng đã ký kết.

\* Tại bản tự khai ngày 19/01/2024, bị đơn bà **T3** trình bày: Ngày 17/5/2022 tôi và chồng tôi ông **Lương Công T2** có vay **Ngân hàng TMCP P** số tiền 1.100.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh buôn bán đồ chơi trẻ em và đồ gia dụng. Sau khi vay, vì kinh doanh thua lỗ nên không có tiền trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì tôi đồng ý trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng phát mãi tài sản mà vợ chồng tôi đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra tôi có vay bên thẻ tín dụng số tiền 42.000.000 đồng, ông **T2** vay số tiền 100.000.000 đồng. Hiện nay hai khoản vay này chúng tôi chưa trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì chúng tôi đồng ý trả nợ cho Ngân hàng.

\* Bị đơn ông **T2** vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15006/22MB/HĐTD ngày 7/5/2022. Đối với khoản vay thẻ tín dụng của ông **T2** và bà **T3**, vì vẫn còn trong hạn trả nợ nên nguyên đơn rút đơn khởi kiện, khi đến hạn trả nợ mà ông **T2** và bà **T3** không trả nợ thì nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Bị đơn ông **T2**, bà **T3** vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Căn cứ vào các Điều 299, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 Luật thương mại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **T2** và bà **T3** phải trả tiền nợ tính đến ngày 25/3/2024 là 1.268.948.536 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Đối với khoản vay thẻ tín dụng của ông **T2** và bà **T3**, tại phiên tòa nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với 02 khoản vay thẻ tín dụng nêu trên nên đề nghị HĐXX đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà T3 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15006/22MB/HĐTD ngày 17/5/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15006/22MB/HĐTD/KUNN05 ngày 15/02/2023 thì Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H có cho ông Lương Công T2 và bà Vũ Việt T3 vay số tiền 1.100.000.000 đồng, mục đích sử dụng: bổ sung vốn kinh doanh buôn bán đồ chơi trẻ em và đồ gia dụng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/02/2023 đến ngày 15/07/2024, lãi suất vay trong hạn cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân là 13.50%/năm, sau đó sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của H, phương thức trả nợ: trả 01 tháng/01 lần vào ngày 10 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 10/03/2023.

Sau khi vay vốn, ông T2 và bà T3 đã trả được 01 tháng tiền lãi như đã cam kết nhưng đến tháng 04/2023 ông T2 và bà T3 không trả nợ cho Ngân hàng. Nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nợ nhưng ông T2 và bà T3 không trả nợ. Tính đến ngày 25/3/2024 ông T2 và bà T3 còn nợ Ngân hàng số tiền 1.268.948.536 đồng trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 139.089.527 đồng, nợ lãi quá hạn 29.859.009 đồng. Tại bản tự khai ngày 19/01/2024, bị đơn bà T3 đã xác nhận: Ngày 17/5/2022 vợ chồng bà T3 và ông T2 có vay Ngân hàng TMCP P số tiền 1.100.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh buôn bán đồ chơi trẻ em và đồ gia dụng. Sau khi vay, vì kinh doanh thua lỗ nên không có tiền trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì tôi đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bị đơn ông T2 và bà T3 phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/3/2024 là 1.268.948.536 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23477/22MB/HĐBĐ ngày 26/12/2022, ông T2 và bà T3 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 826185, thửa đất 2, tờ bản đồ số 4-III-C-c tọa lạc tại khu phố F, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân



thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp cho ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Q ngày 17/10/2012. Ông M và bà Q đã chuyển nhượng cho ông Lương Công T2 ngày 22/12/2022 theo hồ sơ số 032710.CN.005. Vì đây là tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15006/22MB/HĐTD ngày 17/5/2022 của ông T2 và bà T3 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H. Do đó, trường hợp bị đơn ông T2 và bà T3 không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với khoản vay hạn mức tín dụng thẻ 100.000.000 đồng của ông Lương Công T2 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 10/01/2023 và khoản vay hạn mức tín dụng thẻ 40.000.000 đồng của bà Vũ Việt T3 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 12/01/2023. Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với 02 khoản vay hạn mức tín dụng thẻ đối với ông T2 và bà T3, việc rút đơn này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Đối với ông Trần B, theo Công văn số 236/UBND ngày 24/11/2023 của Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T có cung cấp: “... ngôi nhà thứ hai hiện đang do ông Trần B thuê ở (quá trình thuê bằng miệng, không có giấy tờ thuê)”. Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho ông Trần B nhưng ông Trần B không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thuê nhà ở đối với tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2024, bị đơn bà T3 xác nhận tài sản mà vợ chồng bà đã thế chấp tại Ngân hàng không cho bất kỳ ai thuê và không chuyển nhượng cho ai. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H cũng xác định tài sản mà bị đơn đã thế chấp tại Ngân hàng không cho ai thuê và không chuyển nhượng cho ai. Do đó, trường hợp có phát sinh tranh chấp về hợp đồng thuê nhà giữa ông Trần B và bị đơn ông T2, bà T3 sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự. Vì vậy, trong vụ án này HĐXX không xem xét giải quyết quyền và nghĩa vụ của ông Trần B.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T2, bà T3 phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng nên bị đơn ông T2, bà T3 phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 và Điều 147, 165, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 317, 323, 325 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H.**

Buộc bị đơn ông **Lương Công T2** và bà **Vũ Việt T3** phải trả cho nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H** tổng cộng số tiền tính đến ngày 25/3/2024 là 1.268.948.536 đồng (*một tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*) (trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng (*một tỷ một trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 139.089.527 đồng (*một trăm ba mươi chín triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng*), nợ lãi quá hạn 29.859.009 đồng (*hai mươi chín triệu tám trăm năm mươi chín nghìn không trăm lẻ chín đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/03/2024), bị đơn ông **Lương Công T2** và bà **Vũ Việt T3** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông **Lương Công T2** và bà **Vũ Việt T3** không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H** được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 826185, thửa đất 2, tờ bản đồ số 4-III-C-c tọa lạc tại **khu phố F, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên** được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp cho ông **Trần Văn M** và bà **Nguyễn Thị Q** ngày 17/10/2012 (ông **M** và bà **Q** đã chuyển nhượng cho ông **Lương Công T2** ngày 22/12/2022 theo hồ sơ số 032710.CN.005) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23477/22MB/HĐBĐ ngày 26/12/2022 mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông **Lương Công T2** và bà **Vũ Việt T3** trả nợ xong cho nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H** thì nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H** phải trả lại bị đơn ông **Lương Công T2** và bà **Vũ Việt T3** tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23477/22MB/HĐBĐ ngày 26/12/2022 mà hai bên đã ký kết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H** đối với khoản vay hạn mức tín dụng thế 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) của ông **Lương Công T2** theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày

10/01/2023 và khoản vay hạn mức tín dụng thẻ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) của bà **Vũ Việt T3** theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ ngày 12/01/2023.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông **Lương Công T2** và bà **Vũ Việt T3** phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Do nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H** đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên bị đơn ông **Lương Công T2** và bà **Vũ Việt T3** phải trả lại cho nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H** số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về án phí : Bị đơn ông **Lương Công T2** và bà **Vũ Việt T3** phải chịu 50.068.456 đồng (năm mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H** số tiền tạm ứng án phí 25.466.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009962 ngày 17/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- **Chi cục THADS Tp. T;**
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Tân Sang**